

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
TỔNG HỢP HÀ NỘI (SHN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 33./2023/CBTT-SHN

(V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế tại BCTC riêng 6 tháng đầu
năm 2023 đã kiểm toán so với cùng
kỳ năm trước và giải trình về BCTC
có điều chỉnh hồi tố)

—o0o—

Hà Nội, ngày 15. tháng 8 năm 2023

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội
- Người đại diện theo pháp luật: Vũ Quang Minh
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà Peakview, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 tại BCTC riêng đã kiểm toán so với 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 tại BCTC riêng đã kiểm toán đạt 12,51 tỷ đồng, chênh lệch giảm quá 10% so với lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2022 chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

Tình hình lãi suất cho vay của các Ngân hàng thương mại tăng cao trong khi nguồn vốn vay cho hoạt động kinh doanh than cũng tăng khiến chi phí lãi vay 6 tháng đầu năm 2023 tăng cao đột biến, trong khi lãi gộp và doanh thu tài chính cũng tăng nhưng cũng không đủ bù đắp được mức độ tăng của chi phí lãi vay

Giải trình BCTC có điều chỉnh hồi tố

Công ty điều chỉnh phân loại lại một số chỉ tiêu kỳ trước để có thể so sánh, chi tiết số điều chỉnh như sau:

Khoản mục	Số báo cáo (VND)	Số điều chỉnh (VND)	Số sau điều chỉnh (VND)
Hàng tồn kho	826.134.620.197	(179.007.162.200)	647.127.457.997
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	179.007.162.200	179.007.162.200
Giá vốn hàng bán	2.820.517.177.664	(8.907.506.600)	2.811.609.671.064
Chi phí bán hàng	10.250.608.210	8.907.506.600	19.158.114.810



Trên đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 đã kiểm toán giảm quá 10% so với cùng kỳ năm trước và giải trình về các chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán số đầu kỳ, Báo cáo kết quả kinh doanh số kỳ trước có điều chỉnh hồi tố. *lk*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
TỔNG HỢP HÀ NỘI

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Phúc Thọ	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Việt Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Đại Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 26/04/2023)
Ông Vũ Quang Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 26/04/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Quang Minh	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Phúc Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoài Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đại Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10/04/2023)
Ông Nguyễn Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 03/07/2023)

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Hoàng Lệ Thu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Minh - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Quang Minh

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 08 năm 2023

Số: 081502/2023/BCSX-iCPA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 08 năm 2023, từ trang 5 đến trang 31 bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được soát xét và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 tại ngày 26 tháng 08 năm 2022 và ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại ngày 30 tháng 03 năm 2023.



Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 0997-2021-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.382.122.513.031	4.194.868.908.938
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.122.695.173	61.090.108.823
1. Tiền	111	V.1	11.122.695.173	50.027.337.890
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	11.062.770.933
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.125.934.999.683	3.441.008.589.395
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	2.640.235.299.750	2.456.203.523.131
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.002.627.088	5.162.999.231
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	1.268.191.182.801	783.434.369.863
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	467.839.015.519	476.540.822.645
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7a	(280.333.125.475)	(280.333.125.475)
III. Hàng tồn kho	140	V.8	237.762.961.567	645.911.277.895
1. Hàng tồn kho	141		238.220.289.014	647.127.457.997
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(457.327.447)	(1.216.180.102)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.301.856.608	46.858.932.825
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		391.458.685	997.006.888
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.910.397.923	45.861.925.937
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.503.405.108.858	1.506.161.274.223
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		541.892.420.000	541.600.550.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	549.471.254.000	549.179.384.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7b	(7.578.834.000)	(7.578.834.000)
II. Tài sản cố định	220		768.082.293	1.002.357.435
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	768.082.293	1.002.357.435
- Nguyên giá	222		2.514.988.931	2.514.988.931
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.746.906.638)	(1.512.631.496)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		179.157.562.200	179.007.162.200
1. Chi phí SX kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.6	179.157.562.200	179.007.162.200
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		773.143.620.000	772.910.870.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	32.549.120.000	32.549.120.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	741.464.000.000	741.464.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	14.672.500.000	14.672.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.542.000.000)	(15.774.750.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.443.424.365	11.640.334.588
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8.443.424.365	11.640.334.588
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.885.527.621.889	5.701.030.183.161

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.293.338.959.600	4.121.098.409.524
I. Nợ ngắn hạn	310		4.293.338.959.600	4.120.998.409.524
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	766.260.016.552	1.194.490.035.506
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.110.379.820	11.003.877.344
3. Phải trả người lao động	314		852.776.650	955.838.350
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		25.350.650.622	9.018.340.455
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	335.340.038.102	80.975.293.599
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	3.156.676.462.957	2.819.060.489.201
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.748.634.897	5.494.535.069
II. Nợ dài hạn	330		-	100.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	100.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.592.188.662.289	1.579.931.773.637
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	1.592.188.662.289	1.579.931.773.637
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.296.071.470.000	1.296.071.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.296.071.470.000	1.296.071.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.350.914.364	16.350.914.364
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.139.824.104	6.139.824.104
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		273.626.453.821	261.369.565.169
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		261.115.465.341	257.670.913.904
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.510.988.480	3.698.651.265
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.885.527.621.889	5.701.030.183.161



Đặng Thái Thế
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 08 năm 2023



Đặng Thái Thế
Kế toán trưởng



Vũ Quang Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.926.094.126.333	2.867.746.334.189
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.926.094.126.333	2.867.746.334.189
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.856.582.160.217	2.811.609.671.064
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.511.966.116	56.136.663.125
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	140.778.149.015	59.634.067.237
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	169.998.569.321	53.902.504.959
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		140.648.491.021	44.658.901.223
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	16.422.807.589	19.158.114.810
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8.307.157.507	8.389.983.139
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.561.580.714	34.320.127.454
11. Thu nhập khác	31		17.138.786	105.977.699
12. Chi phí khác	32		1.883.900	455.428.523
13. Lợi nhuận khác	40		15.254.886	(349.450.824)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.576.835.600	33.970.676.630
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	3.065.847.120	7.555.211.185
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.510.988.480	26.415.465.445


Đặng Thái Thế
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 08 năm 2023


Đặng Thái Thế
Kế toán trưởng



Vũ Quang Minh
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	15.576.835.600	33.970.676.630
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	234.275.142	234.275.142
Các khoản dự phòng	03	(991.602.655)	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các	04	(11.138.734)	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(57.701.066.637)	(31.083.235.924)
Chi phí lãi vay	06	140.648.491.021	45.158.901.223
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	97.755.793.737	48.280.617.071
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(150.557.117.112)	(1.320.426.782.208)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	408.756.768.983	(35.393.400.672)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(172.107.397.363)	762.935.283.436
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	3.802.458.426	(1.064.407.893)
Tiền lãi vay đã trả	14	(126.471.420.482)	(45.944.366.242)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.765.043.804)	(20.856.179.704)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.414.042.385	(612.469.236.212)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	17.138.386	-
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(649.160.000.000)	(399.249.369.863)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	164.403.187.062	680.000.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	301.254.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	46.731.106.027	16.241.642.244
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(438.008.568.525)	598.246.272.381
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.651.179.425.092	2.304.717.422.544
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.313.563.451.336)	(2.373.855.155.113)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	337.615.973.756	(69.137.732.569)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(49.978.552.384)	(83.360.696.400)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	61.090.108.823	361.732.403.411
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.138.734	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.122.695.173	278.371.707.011


Đặng Thái Thế
 Người lập biểu
 Ngày 15 tháng 08 năm 2023


Đặng Thái Thế
 Kế toán trưởng


Vũ Quang Minh
 Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102287094 ngày 30/03/2007 và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 30 ngày 03/11/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký kinh doanh tại Tầng 9 tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần nhất của Công ty là: 1.296.071.470.000 đồng (Một nghìn hai trăm chín mươi sáu tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, than cám; Bán buôn nhiên liệu rắn: Bán buôn than và các sản phẩm về than; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động tư vấn mua, bán doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu (Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh);
- Tư vấn, môi giới đầu tư bất động sản, đầu tư quyền sử dụng đất. Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư; Dịch vụ định giá bất động sản và quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các loại;
- Bán buôn đồ uống, gạo, nông lâm sản...;
- Bán buôn kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động ở nước ngoài;
- Và các hoạt động kinh doanh khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được soát xét.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
 Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo
 Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hàng hóa Việt Nam	Hà Nội	100,00%	Bán buôn chuyên doanh khác
2	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông 6	Hà Nội	69,19%	Hỗ trợ dịch vụ vận tải đường thủy

Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Mai Trang Linh	Hà Nội	41,00%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Geleximco Hòa Bình	Hòa Bình	30,00%	Kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Daso (Hải Phòng)	Hải Phòng	37,81%	Kinh doanh bất động sản, kinh doanh hóa mỹ phẩm

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
1	Chi nhánh Đào tạo và XKLD Hanic Hà Nội – Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	Hà Nội	Xuất khẩu lao động
2	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Sàn Giao dịch Bất động sản Hanic	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
3	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Trung tâm Xuất khẩu lao động Hanic 2	Bắc Ninh	Xuất khẩu lao động

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 59 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 59 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi có kỳ hạn

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Doanh nghiệp được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Doanh nghiệp và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
 Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo
 Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	1.295.323.440	1.923.536.479
Tiền gửi ngân hàng	9.827.371.733	48.103.801.411
Các khoản tương đương tiền	-	11.062.770.933
Cộng	11.122.695.173	61.090.108.823

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Thăng Long	1.794.761.538.455	1.753.831.688.763
Công ty CP Khoáng sản Kim Bôi- CN Hải Dương	658.119.742.625	592.091.752.906
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Lam Sơn	97.852.874.293	20.778.687.085
Phải thu khách hàng khác	89.501.144.377	89.501.394.377
Cộng	2.640.235.299.750	2.456.203.523.131
Trong đó: Phải thu là các bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</i>	4.035.853.607	4.035.853.607

3. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Anh Quân (a)	235.700.000.000	235.700.000.000
Ông Trần Tiến Thành	325.000.000	325.000.000
Công ty Cổ phần TBIC (b)	234.100.000.000	235.000.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Hạ Long Dream (c)	74.968.000.000	74.008.000.000
Công ty CP Đầu tư GIC Quốc tế	33.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương (d)	99.401.369.863	99.401.369.863
Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP (e)	590.696.812.938	139.000.000.000
Cộng	1.268.191.182.801	783.434.369.863

(a) Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011, phụ lục 01 ngày 03/04/2011 (Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT/2011 ngày 21/01/2011) số tiền đã cho vay là 200 tỷ đồng; và khoản vay theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, nội dung của hợp đồng là hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án thứ phát tại Khu đô thị mới Thanh Hà A-Cienco5, số tiền cho vay là 38 tỷ đồng.

Theo công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty Cổ phần BETA BQP, số nợ gốc và lãi liên quan đến hợp đồng này được chuyển sang cá nhân ông Nguyễn Anh Quân - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BETA BQP. Khoản vay sẽ được đảm bảo bởi Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc do ông Nguyễn Thanh Tùng đứng tên với số cổ phần là 13.770.000 cổ phần, tương đương giá trị 335 tỷ đồng, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc và giá trị chuyển nhượng sẽ được bù trừ với số nợ còn phải thu của Ông Nguyễn Anh Quân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Đến ngày 30/06/2019 việc thực hiện chuyển nhượng sang tên cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc vẫn chưa hoàn tất. Hiện nay, Ông Nguyễn Anh Quân đã bỏ trốn và đã có lệnh truy nã. Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đã có công văn đề nghị Công ty Cổ phần Beta BQP và Nguyễn Anh Quân hoàn trả số tiền cam kết tại Công văn số 26/2011/CV-ĐTMM ngày 14/06/2011.

- (b) Cho Công ty Cổ phần TBIC vay theo hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01.2022/HĐVV/SHN - TBIC ngày 20/01/2022 và các phụ lục với tổng số tiền vay là 235.000.000.000 đồng; lãi suất 12 %/năm, thời hạn vay đến ngày 19/01/2024.
- (c) Cho Công ty CP Khách sạn Hạ Long Dream vay theo các hợp đồng:
- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 04012021/HĐVV ngày 04/01/2021 và các phụ lục với tổng số tiền vay là 50.000.000.000 đồng; lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 04/01/2021. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác, hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.
 - Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 31122021/HĐVV ngày 31/12/2021 và các phụ lục với tổng số tiền vay là 25.000.000.000 đồng; lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 31/12/2021. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác, hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.
 - Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 19122022/HĐVV ngày 19/12/2022 và các phụ lục với tổng số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày nhận khoản tiền vay. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác, hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.
 - Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 12012023/HĐVV ngày 12/01/2023 với tổng số tiền vay là 500.000.000 đồng; lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày nhận khoản tiền vay. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác, hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.
 - Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 08022023/HĐVV ngày 08/02/2023 với tổng số tiền vay là 460.000.000 đồng; lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày nhận khoản tiền vay. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác, hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.
- (d) Cho bà Nguyễn Thị Thu Hương vay theo hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 05.2022/HĐVV/Ms HUONG - SHN ngày 20/04/2022 và các phụ lục, tổng số tiền vay là 150.000.000.000 đồng; lãi suất 11%/năm, thời hạn vay đến ngày 03/05/2024.
- (e) Cho Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP vay theo các hợp đồng:
- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 07.2022/HĐVV/SHN-GELE ngày 28/09/2022 với tổng số tiền vay là 130.000.000.000 đồng; lãi suất 11%/năm, thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
 - Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01.2023/HĐVV/SHN-GELE ngày 23/03/2023 và phụ lục với tổng số tiền vay là 462.000.000.000 đồng; lãi suất 11%/năm, thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
 - Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 02.2023/HĐVV/SHN-GELE ngày 27/03/2023 với tổng số tiền vay là 100.000.000.000 đồng; lãi suất 10,1%/năm, thời hạn vay là 6 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
 Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo
 Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4. PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng người lao động	673.309.000	143.372.200
Ký cược, ký quỹ	270.016.375.000	300.016.375.000
- Công ty cổ phần Sapa Vân Tảo (a)	270.000.000.000	300.000.000.000
- Các khách hàng khác	16.375.000	16.375.000
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trả chậm	154.075.901.618	139.042.632.344
- Công ty CP Nhiệt Điện Thăng Long	83.040.062.428	78.959.615.378
- Công ty Cổ phần TBIC	37.274.482.193	23.342.449.316
- Nguyễn Thị Thu Hương	12.599.357.818	7.177.217.340
- Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	8.370.135.941	21.945.278.692
- Công ty CP Sapa Vân Tảo	709.150.686	-
- Công ty CP Đầu tư GIC Quốc tế	618.410.959	-
- Công ty CP Khách sạn Hạ Long Dream	11.464.301.593	7.567.441.481
- Lãi dự thu ngân hàng	-	50.630.137
Phải thu khác	43.073.429.901	37.338.443.101
- Ông Nguyễn Trung Kiên	12.831.501.573	12.831.501.573
- Ông Lê Song Hào	13.965.491.231	13.965.491.231
- Công ty Cổ phần An Sinh	6.251.147.700	6.251.147.700
- Công ty CP Đầu tư GIC Quốc tế	5.985.744.300	-
- Các khách hàng khác	4.039.545.097	4.290.302.597
Cộng	467.839.015.519	476.540.822.645
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	93.814.320.000	93.522.450.000
- Ký quỹ xuất khẩu lao động	1.000.000.000	1.000.000.000
- Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP: Dự án KĐT mới Hòa Bình (b)	92.000.000.000	92.000.000.000
- Ký quỹ hợp đồng thuê văn phòng	814.320.000	522.450.000
Phải thu khác	455.656.934.000	455.656.934.000
- Tập đoàn Geleximco- Công ty CP: Dự án khách sạn tại KĐT Thành phố giao lưu (c)	446.800.000.000	446.800.000.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng Kim Giang (d)	6.537.000.000	6.537.000.000
- Các khách hàng khác	2.319.934.000	2.319.934.000
Cộng	549.471.254.000	549.179.384.000
Phải thu khác là bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	16.775.000	16.775.000

- (a) Số dư 270.000.000.000 đồng là khoản cầm cố theo hợp đồng số 1510/2022/HĐMB/SHN - SPVT ngày 23/11/2022 và phụ lục ký với nhà cung cấp là Công ty cổ phần Sapa Vân Tảo về việc thực hiện đơn hàng 300.000 tấn than trong năm 2022; thời hạn ký quỹ trước ngày 31/12/2022. Số tiền này sẽ được quyết toán chậm nhất trong 05 ngày kể từ ngày hai bên quyết toán hoặc không chậm hơn 12 tháng kể từ ngày nhận được tiền ký quỹ. Bên bán sẽ phải trả lãi suất 10,1%/năm cho bên mua. Toàn bộ tiền gốc và lãi ký quỹ Bên bán cam kết chuyển khoản về tài khoản của Bên mua tại Ngân hàng TMCP An Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
 Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo
 Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

- (b) Khoản đặt cọc theo Thỏa thuận liên danh ngày 25/10/2017 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội và Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP về việc liên danh để tham gia đấu thầu làm Chủ đầu tư dự án Khu đô thị mới Hòa Bình - Geleximco, phường Thịnh Lang và phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình.
- (c) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác số 01/2021/HTKD/GELE - SHN ngày 30 tháng 03 năm 2021, hai bên hợp tác góp vốn để đầu tư, xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án Khách sạn tại khu đất KS, nằm trong Khu Đô thị Thành phố Giao lưu, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm - phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội do Tập đoàn Geleximco - CTCP làm chủ đầu tư. Tại thời điểm ký hợp đồng, hai bên chưa thống nhất việc phân chia kết quả đầu tư. Việc phân chia kết quả đầu tư sẽ được thống nhất sau khi dự án hoàn thành giai đoạn đầu tư xây dựng chuyển sang giai đoạn vận hành khai thác.
- (d) Khoản tiền Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Kim Giang liên quan đến việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Diềm Thụy theo giấy chứng nhận đầu tư số 172031000015 ngày 31/07/2009, sửa đổi lần 1 ngày 18/11/2010.

5. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	477.046.995	2.037.941.936	2.514.988.931
Số dư cuối kỳ	477.046.995	2.037.941.936	2.514.988.931
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	283.707.030	1.228.924.466	1.512.631.496
Khấu hao trong kỳ	64.446.648	169.828.494	234.275.142
Số dư cuối kỳ	348.153.678	1.398.752.960	1.746.906.638
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	193.339.965	809.017.470	1.002.357.435
Tại ngày cuối kỳ	128.893.317	639.188.976	768.082.293

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2023 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 90.367.086 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 90.367.086 đồng).

6. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

Giá trị dở dang của Dự án Xây dựng 94 căn nhà thương mại chiều cao 05 tầng nhưng tối đa không quá 18,5m tại đường D1 (Võ Nguyên Giáp), phường Bình Minh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai với diện tích 9549,6 m². Hình thức giao đất thu tiền sử dụng thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án. Thời gian sử dụng theo quyết định 1358/QĐ-UBND ngày 16/6/22 là 50 năm kể từ ngày cấp có thẩm quyền phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
 Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
 Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN
 Ban hành kèm theo
 Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÓI

	Số đầu năm		Số cuối năm			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a/ Ngắn hạn	280.333.125.975	500	280.333.125.475	280.333.125.975	500	280.333.125.475
Phải thu khách hàng	7.220.440.374	-	7.220.440.374	7.220.440.374	-	7.220.440.374
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu hàng hóa	4.035.853.607	-	4.035.853.607	4.035.853.607	-	4.035.853.607
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình	2.282.578.971	-	2.282.578.971	2.282.578.971	-	2.282.578.971
Công ty TNHH Một thành viên Hùng Phát	306.402.000	-	306.402.000	306.402.000	-	306.402.000
Các khách hàng khác	595.605.796	-	595.605.796	595.605.796	-	595.605.796
Phải thu về cho vay ngắn hạn	236.025.000.000	-	236.025.000.000	236.025.000.000	-	236.025.000.000
Nguyễn Anh Quân	235.700.000.000	-	235.700.000.000	235.700.000.000	-	235.700.000.000
Trần Tiến Thành	325.000.000	-	325.000.000	325.000.000	-	325.000.000
Phải thu khác	37.087.685.601	500	37.087.685.101	37.087.685.601	500	37.087.685.101
Lê Song Hà	13.965.491.231	-	13.965.491.231	13.965.491.231	-	13.965.491.231
Nguyễn Trung Kiên	12.831.501.573	-	12.831.501.573	12.831.501.573	-	12.831.501.573
Công ty Cổ phần An Sinh	6.251.147.700	-	6.251.147.700	6.251.147.700	-	6.251.147.700
Nguyễn Thanh Tùng (Phòng dự án)	2.085.213.626	-	2.085.213.626	2.085.213.626	-	2.085.213.626
Lương Thị Ninh	928.470.000	-	928.470.000	928.470.000	-	928.470.000
Nguyễn Bích Hạnh	354.694.000	-	354.694.000	354.694.000	-	354.694.000
Các khách hàng khác	671.167.471	500	671.166.971	671.167.471	500	671.166.971
b/ Dài hạn	8.856.934.000	1.278.100.000	7.578.834.000	8.856.934.000	1.278.100.000	7.578.834.000
Phải thu khác	8.856.934.000	1.278.100.000	7.578.834.000	8.856.934.000	1.278.100.000	7.578.834.000
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kim Giang	6.537.000.000	-	6.537.000.000	6.537.000.000	-	6.537.000.000
Hoàng Văn Điện	2.319.934.000	1.278.100.000	1.041.834.000	2.319.934.000	1.278.100.000	1.041.834.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	179.047.637.584	457.327.447	562.679.857.627	1.203.170.892
Thành phẩm	43.672.651.430	-	68.947.600.370	13.009.210
Hàng hoá	15.500.000.000	-	15.500.000.000	-
Cộng	238.220.289.014	457.327.447	647.127.457.997	1.216.180.102

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý đường sông 6	30.549.120.000	-	30.549.120.000	-
Cộng	32.549.120.000	2.000.000.000	32.549.120.000	2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Mai Trang Linh	216.480.000.000	216.480.000.000	-	216.480.000.000
Công ty TNHH Geleximco Hòa Bình	40.500.000.000	40.500.000.000	-	40.500.000.000
Công ty CP Daso (Hải Phòng)	484.484.000.000	484.484.000.000	-	484.484.000.000
Cộng	741.464.000.000	741.464.000.000	-	741.464.000.000

11. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty CP Chứng khoán Hà Nội	2.100.000.000	-	2.100.000.000	-
Công ty CP Máy Thiết bị dầu khí	1.572.500.000	1.130.500.000	442.000.000	897.750.000
Công ty CP phát triển hạ tầng Kim Giang	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
Cộng	14.672.500.000	1.130.500.000	13.542.000.000	897.750.000
				13.774.750.000

Giá trị hợp lý Công ty Cổ phần Máy Thiết bị dầu khí lấy theo số lượng cổ phần nhân giá đóng cửa ngày 30/06/2023 của cổ phiếu này là 13.300 đồng/ cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần TBIC	198.637.207.986	198.637.207.986	136.048.688.052	136.048.688.052
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	175.053.315.605	175.053.315.605	250.566.785.164	250.566.785.164
CTCP Đầu tư GIC Quốc tế	162.945.352.746	162.945.352.746	259.130.483.725	259.130.483.725
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tổng hợp DHA	93.077.265.431	93.077.265.431	96.077.265.431	96.077.265.431
Công ty cổ phần Sapa Vân Tảo	63.298.292.348	63.298.292.348	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Kim Bôi- CN Hải Dương	5.245.726.945	5.245.726.945	132.169.660.337	132.169.660.337
Các khách hàng khác	68.002.855.491	68.002.855.491	320.497.152.797	320.497.152.797
Cộng	766.260.016.552	766.260.016.552	1.194.490.035.506	1.194.490.035.506

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	Số phải nộp trong kỳ VND	VND	Số đầu kỳ VND	VND	Số đầu kỳ VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.065.847.120	3.065.847.120	10.765.043.804	10.765.043.804		
Thuế thu nhập cá nhân	44.532.700	398.179.781	592.480.621	238.833.540		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.300.000	4.300.000	-		
Cộng	3.110.379.820	3.468.326.901	11.361.824.425	11.003.877.344		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (a)	1.642.010.680.437	1.642.010.680.437	1.559.010.680.437	1.616.637.448.788	1.699.637.448.788	1.699.637.448.788
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (b)	665.587.359.507	665.587.359.507	1.296.391.344.655	1.667.426.002.548	1.036.622.017.400	1.036.622.017.400
- Công ty CP Khoáng sản Kim Bôi - CN Hải Dương (c)	795.777.400.000	795.777.400.000		-	-	-
- Các cá nhân khác	2.717.689.680	2.717.689.680	-	-	2.717.689.680	2.717.689.680
b) Vay dài hạn đến hạn trả						
- Trái phiếu SHN.H.20.23.001 (d)	51.000.000.000	51.000.000.000	-	30.000.000.000	81.000.000.000	81.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu (d)	(416.666.667)	(416.666.667)	-	(500.000.000)	(916.666.667)	(916.666.667)
Cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	3.156.676.462.957	3.156.676.462.957	3.651.179.425.092	3.313.563.451.336	2.819.060.489.201	2.819.060.489.201

(a) Vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức số 18/22/ITD/BB/105 ngày 04/07/2022 tại Ngân hàng TMCP An Bình- CN Hà Nội: Hạn mức cấp tín dụng là 1.700 tỷ đồng bao gồm toàn bộ dư nợ hiện đang theo dõi tại ABBANK theo Hợp đồng cấp hạn mức số 936/21/TD-TT/II.23 ngày 09/11/2021. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động thực hiện hoạt động kinh doanh cấp than, dầu, đá vôi, hóa chất và các nguyên liệu đầu vào cho dự án Nhiệt Điện Thăng Long do Công ty cổ phần Nhiệt Điện Thăng Long là chủ đầu tư; Phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán; Thanh toán L/C nhập khẩu than thương mại do ABBANK phát hành. Thời hạn của từng lần cấp tín dụng tối đa không quá 5 tháng với Thanh cùng cấp vào Nhiệt Điện Thăng Long và tối đa không quá 6 tháng đối với thương mại than. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Hai hợp đồng tiền gửi số 18052022/AB/SHN với tổng giá trị là 11.000.000.000 đồng theo hợp đồng cầm có tài sản số 5988/22/CC-TT/II.23 và các phụ lục bổ sung khác. Biện pháp bảo đảm bao gồm bảo đảm bằng tài sản trên và thực hiện ký quỹ tại ABBank khi tiến hành bảo lãnh.

(b) Vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức số 4993698/2022/HDHM/VPB-SHN ngày 14/07/2022 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng: Hạn mức cấp tín dụng là 1.300.000.000 đồng trong đó hạn mức mua than khác không cung cấp cho Công ty cổ phần Nhiệt Điện Thăng Long là 600.000.000.000 đồng. Mục đích cấp tín dụng để thanh toán tiền mua than, dầu, đá vôi, hóa chất và các nguyên liệu đầu vào cung cấp cho Nhà máy Nhiệt Điện Thăng Long; phát hành L/C; UPAS L/C để mua than trong nước, than có nguồn gốc nhập khẩu cung cấp cho Nhà máy Nhiệt Điện Thăng Long. Thời hạn của từng lần cấp tín dụng tối đa không quá 04 tháng với hoạt động mua than trong nước và 06 tháng với hoạt động mua than nhập khẩu, nguyên liệu và chi phí hợp lý cho hoạt động phối trộn than. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 2008/HĐTC/VPB-TLP ký ngày 05/12/2018, Hợp đồng thế chấp tài sản số 2008/18/HĐTCTS/VPB-SHN ký ngày 05/12/2018; hợp đồng thế chấp tài sản hàng tồn kho luân chuyển số 2008/18/HĐTCTS/VPB-TLP ký ngày 05/12/2018, hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 208/18/HĐTC/VPB-SHN ký ngày 05/12/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

- (c) Vay ngắn hạn Công ty CP Khoáng sản Kim Bôi - CN Hải Dương theo các hợp đồng sau:
 - Hợp đồng vay vốn số 02.2023/HEVV/KB-SHN ngày 20/3/2023, tổng số tiền vay là 415.800.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích phục vụ nhu cầu cho hoạt động kinh doanh.
 - Hợp đồng vay vốn số 03.2023/HEVV/KB-SHN ngày 20/4/2023, tổng số tiền vay là 380.000.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích phục vụ nhu cầu cho hoạt động kinh doanh.
 (d) Trái phiếu SHN.H.20.3.001 là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo. Tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu là Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Mệnh giá trái phiếu là 1.000.000.000 đồng/trái phiếu với kỳ hạn 03 năm kể từ ngày giao dịch trái phiếu, lãi suất là 8,5%/năm. Kỳ tính lãi là khoảng thời gian 01 năm liên tiếp kể từ ngày giao dịch và kết thúc vào (nhưng không bao gồm) ngày đáo hạn. Số tiền thu được từ phát hành được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh hoạt động thương mại than. Chi phí tư vấn đợt phát hành trái phiếu mã SHN.H.20.3.001 là 3.000.000.000 đồng được ghi giảm vào mệnh giá trái phiếu và được phân bổ dần vào chi phí theo đường thẳng trong 03 năm kể từ ngày phát hành.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	1.296.071.470.000	16.350.914.364	6.139.824.104	1.579.670.567.564	261.108.359.096	3.698.651.265	3.698.651.265		
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	3.698.651.265	(3.437.445.192)		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(3.437.445.192)		
Số dư đầu kỳ này	1.296.071.470.000	16.350.914.364	6.139.824.104	1.579.931.773.637	261.369.565.169	(254.099.828)	12.510.988.480		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(254.099.828)	-		
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	12.510.988.480	-		
Số dư cuối kỳ này	1.296.071.470.000	16.350.914.364	6.139.824.104	1.592.188.662.289	273.626.453.821	12.510.988.480	12.510.988.480		

(*) Phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 01/2023/NQ-ĐHCĐ ngày 26/4/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
 Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo
 Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****b) Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	129.607.147	129.607.147
- Cổ phiếu phổ thông	129.607.147	129.607.147
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	129.607.147	129.607.147
- Cổ phiếu phổ thông	129.607.147	129.607.147
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	146.324.535	27.903.935
Bảo hiểm xã hội	201.741.250	-
Bảo hiểm y tế	35.723.550	-
Bảo hiểm thất nghiệp	18.241.300	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	45.000.000.000	45.000.000.000
Các khoản phải trả khác	289.938.007.467	35.947.389.664
Cộng	335.340.038.102	80.975.293.599

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
USD	3.957,48	59.651,15

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.926.094.126.333	2.867.746.334.189
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	2.859.860.529.808	2.792.181.792.608
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.233.596.525	75.564.541.581
Cộng	2.926.094.126.333	2.867.746.334.189

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
 Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo
 Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	2.857.341.012.872	2.811.609.671.064
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(758.852.655)	-
Cộng	2.856.582.160.217	2.811.609.671.064

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ký quỹ	57.229.328.251	28.949.035.924
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.140.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	454.600.000	994.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	54.158.336	-
Lãi bán hàng trả chậm	83.040.062.428	28.550.831.313
Cộng	140.778.149.015	59.634.067.237

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thanh toán, lãi chậm thanh toán	1.294.941.786	299.722.080
Chi phí lãi vay	140.648.491.021	44.658.901.223
Chi phí phát hành trái phiếu	500.000.000	500.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(232.750.000)	-
Chi phí tài chính khác	27.787.886.514	8.443.881.656
Cộng	169.998.569.321	53.902.504.959

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	5.036.632.800	4.389.954.900
Chi phí đồ dùng văn phòng	392.759.881	346.794.404
Chi phí khấu hao tài sản cố định	132.197.262	132.197.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.379.315.387	13.831.186.460
Chi phí bằng tiền khác	481.902.259	457.981.784
Cộng	16.422.807.589	19.158.114.810

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
 Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo
 Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.386.040.850	3.884.023.170
Chi phí đồ dùng văn phòng	531.498.089	587.183.398
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.077.880	102.077.880
Thuế, phí, lệ phí	96.406.933	94.963.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.662.261.935	2.054.332.698
Chi phí bằng tiền khác	1.528.871.820	1.667.402.021
Cộng	8.307.157.507	8.389.983.139

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.576.835.600	33.970.676.630
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	454.600.000	994.200.000
- Lợi nhuận của Công ty con, liên kết	454.600.000	994.200.000
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	207.000.000	608.285.663
- Các khoản chi phí không được trừ khác	207.000.000	608.285.663
Thu nhập chịu thuế	15.329.235.600	33.584.762.293
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp kỳ này	3.065.847.120	6.716.952.459
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-	838.258.726
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.065.847.120	7.555.211.185

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hàng hóa Việt Nam
 Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông 6
 Công ty Cổ phần Mai Trang Linh
 Công ty TNHH Geleximco Hòa Bình
 Công ty Cổ phần Daso (Hải Phòng)
 Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông lớn

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Điều hành Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
 Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo
 Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức	454.600.000	909.200.000
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông 6	454.600.000	909.200.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.035.853.607	4.035.853.607
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam	4.035.853.607	4.035.853.607
Phải thu ngắn hạn khác	16.775.000	16.775.000
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	16.775.000	16.775.000

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Phạm Ngọc Tuấn	42.000.000	17.000.000
Ông Vũ Phúc Thọ	30.000.000	30.000.000
Ông Lê Việt Hà	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Đại Hải		
Thù lao	19.500.000	12.142.855
Lương thưởng	270.369.983	552.750.000
Ông Vũ Quang Minh		
Thù lao	19.500.000	30.000.000
Lương thưởng	530.921.550	347.007.800

2. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Công ty điều chỉnh phân loại lại một số chỉ tiêu kỳ trước để có thể so sánh, chi tiết số điều chỉnh như sau:

Khoản mục	Số báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Hàng tồn kho	826.134.620.197	(179.007.162.200)	647.127.457.997
Chi phí SX kinh doanh dở dang dài hạn	-	179.007.162.200	179.007.162.200
Giá vốn hàng bán	2.820.517.177.664	(8.907.506.600)	2.811.609.671.064
Chi phí bán hàng	10.250.608.210	8.907.506.600	19.158.114.810

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 9, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
 Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo
 Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo


VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ như sau:

	Kinh doanh than VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.859.860.529.808	66.233.596.525	-	2.926.094.126.333
Tổng doanh thu	2.859.860.529.808	66.233.596.525	-	2.926.094.126.333
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	2.856.582.160.217	-	-	2.856.582.160.217
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	3.278.369.591	66.233.596.525	-	69.511.966.116
Chi phí phân bổ				-
Chi phí không phân bổ				24.729.965.096
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				44.782.001.020
Doanh thu tài chính				140.778.149.015
Chi phí tài chính				169.998.569.321
Lợi nhuận khác				15.254.886
Lợi nhuận trước thuế				15.576.835.600
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				3.065.847.120
Lợi nhuận trong năm				12.510.988.480
	Kinh doanh than VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	5.741.434.848.194	132.970.078.522	-	5.874.404.926.716
Tài sản không phân bổ	-	-		11.122.695.173
Tổng tài sản				5.885.527.621.889
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	4.196.157.095.956	97.181.863.644	-	4.293.338.959.600
Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả				4.293.338.959.600

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2023 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.


 Đặng Thái Thế
 Người lập biểu

Ngày 15 tháng 08 năm 2023


 Đặng Thái Thế
 Kế toán trưởng


 Vũ Quang Minh
 Tổng Giám đốc

